

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03 tháng 8 năm 2023

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Văn Tiến, bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Thư ký phiên toà: ông Lê Xuân Chín – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, có mặt

Nơi cư trú: thôn Trung, xã ĐN, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, vắng mặt.

Nơi cư trú: TDP Bắc Cường, thị trấn TT, huyện VT, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 05 tháng 7 năm 1999, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã ĐN, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong thì vợ chồng chung sống cùng với nhau tại xã ĐN, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, hay cãi nhau. Được 04 tháng thì ông T bỏ về quê tại thị trấn TT sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2000 đến nay. Suốt thời gian hơn hai mươi năm nay các bên cũng không thăm hỏi, liên lạc gì với nhau.

Bà xác định tình cảm với ông T không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 17/03/2000. Hiện nay đã khôn lớn trưởng thành, có khả năng lao động tự túc được. bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H xin chịu nộp toàn bộ theo quy định.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản lời khai của mình trình bày :

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau ngày 05 tháng 7 năm 1999, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã ĐN, huyện SL, Vĩnh Phúc. Kết hôn xong thì vợ chồng chung sống cùng với nhau tại xã ĐN, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc (ở nhờ nhà bác ruột bà H). Vợ chồng chung sống hòa thuận, không cãi chửi nhau, không đánh nhau. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, kết hôn được 04 tháng thì bà H có chửa, ông đã phải về quê làm thuê, sau đó vào các tỉnh phía Nam làm ăn; đến năm 2005 thì ông lại về quê tại thị trấn TT sinh sống. Từ đầu năm 2000 đến nay, ông bà H không liên lạc gì với nhau (ông cũng có quay lên xã ĐN, huyện SL tìm bà H nhưng có lần bà đi làm ăn vắng nên không được); ông cũng không góp tiền vay vật chất gì cho bà H sinh sống; ông cũng chưa bao giờ góp tiền để bà H nuôi con; giữa các bên không có mối liên hệ gì cả về vật chất và tinh thần.

Về nguyên nhân ly hôn, có thể do thời gian sống xa nhau quá lâu (20 năm) nên bà H muốn ly hôn với ông. Tuy nhiên, ông xác định tình cảm với bà H vẫn còn. Ông đề nghị cho vợ chồng về chung sống với nhau, vì đến nay vợ chồng cũng đã lớn tuổi, rất cần nương tựa vào nhau để chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 17/03/2000. Hiện nay đã khôn lớn trưởng thành, có khả năng lao động tự túc được. ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí

Xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

Về con chung: Không đề nghị giải quyết

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn TT, huyện VT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đã được tổng đạt quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông T là tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Mặc dù giữa hai bên có với nhau 01 người con chung, nhưng thực tế vợ chồng chỉ sống với nhau thời gian rất ngắn. Sau khi kết hôn thì các bên chỉ thực sự là vợ chồng, ở bên nhau chưa được 01 năm tại quê bà H là huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc; từ năm 2000 thì ông T đã bỏ về quê nhà tại thị trấn TT, huyện VT sinh sống và các bên không có liên lạc gì từ đó đến nay.

Đã hơn hai mươi năm trôi qua, bà H sinh con và nuôi con khôn lớn một mình tại xã ĐN, huyện SL; ông T không quan tâm, không thăm hỏi, không có sự đóng góp về vật chất, không có sự động viên về tinh thần với vợ con của mình. Ông T xác định vẫn muốn đồn tụ với bà H, mục đích là để con chung có cả bố và mẹ. Tuy nhiên, lý do của ông T không hợp lý cả về mặt pháp luật và thực tiễn. Đã hơn hai mươi năm ông không có trách nhiệm gì, hiện nay con chung đã khôn lớn trưởng thành và thực tế cũng chưa bao giờ được gặp bố của mình là ông T

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng; ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, cần chấp nhận yêu cầu của bà H về việc cho ly hôn để giải phóng cho các bên đương sự.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là anh Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 17/03/2000. Hiện nay đã khôn lớn trưởng thành, có khả năng lao động tự túc được, các bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0000253 ngày 19/4/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã ĐN, SL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thành Công